

Bản án số: 661/2019/LĐ-PT

Ngày: 24/7/2019

V/v Tranh chấp đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Liên

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai
Bà Phan Thị Út

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trịnh Tiến Thịnh, Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh số 131 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2019/TLPT-LĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 02/2019/LĐ-ST ngày 05/4/2019 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2948/2019/QĐ-PT ngày 02 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đặng Thị Thanh H

Địa chỉ thường trú: H, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: H1, Phường A1, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc B

Địa chỉ: B, Phường A2, Quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Văn bản ủy quyền số 008918 quyền số 2 ngày 27/6/2019 lập tại Văn phòng Công chứng T, Thành phố Hồ Chí Minh)

- *Bị đơn*: Công ty TNHH M

Địa chỉ: M, Phường A3, Quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế P- chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc Đ

(Theo Giấy ủy quyền ngày 08/7/2019 của Công ty TNHH M)

- *Người làm chứng*:

1. Bà Nguyễn Thị Kim L (Vắng mặt).

Địa chỉ: L, Phường A4, quận B4, TP. Hồ Chí Minh

2. Bà Lê Hoàng Phương T (Vắng mặt).

Địa chỉ: T, phường A5, Quận B5, TP. Hồ Chí Minh

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/9/2018; Đơn sửa chữa, giải trình, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 16/01/2019 và tại phiên tòa; nguyên đơn bà Đặng Thị Thanh H trình bày:

Vào năm 2006 bà có ký hợp đồng lao động số 15/HĐLĐ/SIDC Co., Ltd/2006 với Công ty TNHH M (tiền thân là Công ty M1) - Sau đây gọi tắt là Công ty - Hợp đồng có xác định thời hạn làm việc là 03 năm từ ngày 01/9/2006. Sau khi hết thời hạn trên bà vẫn tiếp tục làm việc cho Công ty theo hình thức không xác định thời hạn với chức vụ Trưởng phòng Kế toán - Nhân chính cho đến khi bị buộc thôi việc.

Ngày 15/03/2018 Phòng Kế toán - Nhân chính có nhận được 01 bản gốc thông báo của Ông Nguyễn Thế P- Tổng giám đốc Công ty ký và đóng dấu về việc chấm dứt hợp đồng lao động (thông báo) đối với bà và bà Lê Hoàng Phương T do ông P trực tiếp đưa, với lý do theo yêu cầu tái cơ cấu của Tổng Công ty.

Ngày 08/05/2018 thì bà nhận được quyết định số 24/QĐ-SIDC.2018 “về việc miễn nhiệm chức Trưởng Phòng Kế toán - Nhân chính” của bà, được ký ngày 08/05/2018 nhưng không nêu lý do miễn nhiệm. Tiếp theo đó bà tiếp tục nhận được thông báo số 26/SIDC.2018 do ông P ký và đóng dấu ngày 08/05/2018 yêu cầu bà và bà T bàn giao công việc vào ngày 11/05/2018 để chấm dứt Hợp đồng Lao động.

Ngày 21/05/2018 Công ty ra quyết định 37/SIDC.2018 không đúng sự thật khi nói bà và bà T “vi phạm kỷ luật lao động nghiêm trọng”, và sai quy định pháp luật khi áp dụng biện pháp tạm đình chỉ. Ngày 01/06/2018, Công ty ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 43/QĐ-SIDC.2018 và liên hệ hẹn bà đến nhận quyết định trên, bà được nhận lương tháng 03+04+05/2018 (Không có lương T13/2017). Tiền trợ cấp mất việc làm bà được nhận vào ngày 19/06/2018 (quá thời hạn so với quy định của luật).

Với nội dung sự việc nêu trên, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu cụ thể như sau:

1- Yêu cầu Công ty thanh toán cho bà tiền lương những ngày bà H không làm việc từ ngày 01/6/2018 đến ngày tòa án xét xử là 10 tháng với mức lương 5.200.000 đồng/tháng $\times 10 = 52.000.000$ đồng. Lý do: Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 43/QĐ-SIDC.2018 của Công ty là trái pháp luật.

2- Tiền bồi thường vì đơn phương chấm dứt HĐLĐ trái pháp luật: $5.200.000 \times 12 \times 2 = 124.800.000$ đồng và buộc Công ty nhận bà trở lại làm việc. Tại phiên Tòa nguyên đơn rút lại còn 62.400.000 đồng và rút lại yêu cầu Công ty nhận bà trở lại làm việc; nguyên đơn đồng ý nghỉ việc.

3- Buộc Công ty trả các khoản BHXH, BHYT và bảo hiểm khác theo quy định pháp luật cho bà trong những ngày bà không được làm việc: $21,5\% \times 92 \times 236.000 = 4.668.080$ đồng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 10 tháng là 11.180.000 đồng.

4- Tiền bồi thường vì Công ty không nhận bà vào làm việc lại: $5.200.000 \times 12 \times 2 = 124.800.000$ đồng. Tại phiên Tòa nguyên đơn rút lại yêu cầu này.

5- Tiền bồi thường vì vi phạm thời hạn báo trước 29 ngày: $236.000 \times 29 = 6.844.000$ đồng.

Tổng cộng: 132.424.000 đồng.

Tiền trợ cấp mất việc làm nguyên đơn đã nhận từ Công ty là 15.600.000 đồng.

6- Yêu cầu Công ty xác định bà không còn trách nhiệm đối với các giao dịch bằng tài khoản ngân hàng của Công ty từ thời điểm bà bị ông P tự ý cắt tên giao dịch khỏi ngân hàng. Đồng thời xác định bà cũng không chịu trách nhiệm về sổ sách, giấy tờ, các vấn đề về kế toán, vấn đề bàn giao đối với Công ty kể từ 11 giờ 30 phút ngày 21/5/2018 vì bị đuổi khỏi phòng bất ngờ và không được tiếp cận sổ sách kế toán. Bà chỉ chịu trách nhiệm về công việc kế toán đối với thời gian bà đã công tác trước đó tức kể từ 11 giờ 30 phút ngày 21/5/2018 trở về trước.

7- Buộc Công ty thu hồi quyết định số 37/SIDC.2018 về việc tạm đình chỉ công việc đã gửi đến gia đình bà và Tổng Công ty, hủy quyết định đang được lưu giữ vì lý do Công ty đưa ra là không đúng. Ngoài ra Công ty phải công khai xin lỗi vì đã đưa ra quyết định với nội dung không xác thực trên làm ảnh hưởng đến uy tín nghề nghiệp của bà do đặc điểm công việc kế toán đòi hỏi rất cao về uy tín, trách nhiệm đặc biệt là trong môi trường nhà nước. Tại phiên phiên Tòa nguyên đơn rút lại yêu cầu Bị đơn phải công khai xin lỗi.

Đại diện bị đơn trình bày: Công ty TNHH M là Công ty con của Tổng Công ty M1. Hiện nay M1 đang thực hiện tái cơ cấu theo chủ trương của Tổng Công ty. Việc chấm dứt Hợp đồng lao động với bà Đặng Thị Thanh H căn cứ Công văn số 2073/CNT-TCNS ngày 08/11/2017 của Tổng Công ty M1 về việc chuyển xếp lương năm 2017. Điều 3: “Tổng Công ty yêu cầu thực hiện việc cắt giảm ngay 02 lao động phòng Kế toán Nhân chính và giải quyết dứt điểm chế độ chính sách với người lao động”. Căn cứ vào tình hình hiện nay thì Công ty đã dừng hoạt động sản xuất kinh doanh, chỉ thực hiện nhiệm vụ tái cơ cấu. Công ty đã giải quyết chế độ chính sách cho bà H như sau: Thanh toán tiền lương đến hết tháng 5/2018 và Chốt sổ bảo hiểm và chi trả tiền trợ cấp mất việc. Tổng cộng 15.600.000 đồng.

Công ty đã cho bà H nghỉ việc đúng quy định pháp luật và đã thanh toán đầy đủ các khoản trợ cấp cho bà H. Đối với các yêu cầu khởi kiện của bà H, Công ty đồng ý hỗ trợ cho bà H06 tháng lương, mức 5.200.000 đồng/tháng nếu bà H đồng ý hòa giải.

Ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Trần Quốc B trình bày: Việc Công ty ra Quyết định đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động đối với bà H là trái pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa sau nghiên cứu hồ sơ và theo dõi diễn biến phiên tòa kết luận: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ pháp luật và thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Về nội dung: Công ty đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động đối với bà H vì lý do tái cơ cấu nhưng Công ty không đưa ra phương án sử dụng lao động sau khi tái cơ cấu, không gửi thông báo cho Sở Lao động Thương binh và Xã hội, không tổ chức cuộc họp thông báo cho người lao động về việc chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 44 Bộ luật lao động là trái pháp luật. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 đề nghị Tòa án đình chỉ đối với các yêu cầu mà nguyên đơn đã rút lại tại phiên tòa. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về yêu cầu khởi kiện thứ 6 về việc xác định bà H không còn trách nhiệm đối với các giao dịch bằng tài khoản ngân hàng của Công ty từ thời điểm bà H bị ông P tự ý cắt tên giao dịch khỏi ngân hàng. Đồng thời xác định bà H cũng không chịu trách nhiệm về sổ sách, giấy tờ, các vấn đề về kế toán, vấn đề bàn giao đối với Công ty kể từ 11 giờ 30 phút ngày 21/5/2018. Bà H chỉ chịu trách nhiệm về công việc kế toán đối với thời gian bà đã công tác trước đó tức kể từ 11 giờ 30 phút ngày 21/5/2018 trở về trước. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H về việc bồi thường tiền lương trong những ngày bà không được làm việc, bồi thường vì đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật, bảo hiểm xã hội ... và thu hồi quyết định số 37/SIDC.2018 về việc tạm đình chỉ công việc.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 02/2019/ngày 05/4/2019 đã quyết định:

Căn cứ:

- Điều 36; 38; 42; 44; 48 và 98 của Bộ luật lao động năm 2012;

- Điều 13; 14; 15 của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính Phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động;

- Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội:

Tuyên xử:

1- Đình chỉ giải quyết các yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Thanh H về việc:

- Yêu cầu Công ty TNHH M nhận nguyên đơn trở lại làm việc và phần yêu cầu bồi thường đã rút từ 124.800.000 đồng xuống còn 62.400.000 đồng (Yêu cầu thứ 2).

- Yêu cầu số tiền bồi thường vì Công ty TNHH M không nhận bà vào làm việc lại: $5.200.000 \times 12 \times 2 = 124.800.000$ đồng (Yêu cầu thứ 4).

- Yêu cầu Công ty TNHH M phải công khai xin lỗi.

2- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc: Công ty TNHH M có văn bản xác định bà H không còn trách nhiệm đối với các giao dịch bằng tài khoản ngân hàng của Công ty từ thời điểm bị tự ý cắt tên giao dịch khỏi ngân hàng. Đồng thời xác định không chịu trách nhiệm về sổ sách, giấy tờ, các vấn đề về kế toán, vấn đề bàn giao đối với Công ty kể từ 11 giờ 30 phút ngày 21/5/2018 vì bị đuổi khỏi phòng bất ngờ và không được tiếp cận sổ sách kế toán. Nguyên đơn chỉ chịu trách nhiệm về công việc kế toán đối với thời gian đã công tác trước đó tức kể từ 11 giờ 30 phút ngày 21/5/2018 trở về trước.

3- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Thanh H về việc:

- Yêu cầu Công ty TNHH M phải bồi thường vì vi phạm thời hạn báo trước 29 ngày: $236.000 \times 29 = 6.844.000$ đồng.

4- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Thanh H về việc: Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 43/QĐ-SIDC.2018 ngày 01/6/2018 của Công ty TNHH M đối với bà Đặng Thị Thanh H là trái pháp luật.

- Buộc Công ty TNHH M thanh toán tiền lương những ngày bà H không làm việc từ ngày 01/6/2018 đến ngày tòa án xét xử là 10 tháng là 52.000.000 đồng.

- Buộc Công ty TNHH M thanh toán cho bà H số tiền 23.400.000 đồng vì đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật (được khấu trừ lại cho bị đơn số tiền 15.600.000 đồng, còn lại bị đơn phải thanh toán là 7.800.000 đồng).

- Buộc Công ty TNHH M thanh toán cho bà H các khoản BHXH, BHYT và bảo hiểm khác theo quy định pháp luật tính đến ngày xét xử là 11.180.000 đồng.

Tổng cộng: 70.980.000 đồng (Bảy mươi triệu chín trăm tám chục ngàn đồng).

- Buộc Công ty TNHH M thu hồi quyết định số 37/SIDC.2018 ngày 21/05/2018 đối với bà Hương.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5- Án phí Lao động sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí. Công ty TNHH M phải nộp là 2.129.400 đồng.

Ngày 19/4/2019 Bà H nộp đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, bà H kháng cáo phần án sơ thẩm buộc công ty thanh toán tiền vi phạm thời gian báo trước là 6.844.000đ và bồi thường số tiền 62.400.000đ do vi phạm việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Trần Quốc B đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị Thanh H vẫn yêu cầu giữ nguyên yêu cầu kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Về khoản bà H cho là công ty đã vi phạm thời gian báo trước với bà, bà tính theo mức lương 236.000đ /ngày x 29 ngày = 6.844.000đ. Bồi thường do công ty đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, do bà H đã làm việc tại công ty 12 năm nên yêu cầu bồi thường 12 tháng lương chứ không đồng ý 2 tháng lương như bản án sơ thẩm đã tuyên. Còn sau khi nghỉ việc tại công ty từ ngày 1/6/2018 bà H làm việc bên ngoài và đã đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện từ tháng 7/2018.

Ông Nguyễn Quốc Đ đại diện cho công ty trình bày công ty không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bà H. Còn về việc truy đóng bảo hiểm xã hội công ty phải truy đóng hay thanh toán bằng tiền mặt cho bà H do Tòa án quyết định, công ty không có kháng cáo bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quá trình tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp đúng hạn luật định nên hợp lệ. Về nội dung: Ngày 14/3/2018 công ty ra Thông báo về việc chấm dứt hợp đồng lao động với bà H, ngày 15/3/2018 bà H đã nhận thông báo này, ngày 01/6/2018 công ty ra Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động nên từ ngày bà H nhận thông báo đến ngày bà H chính thức nghỉ việc là hơn 45 ngày nên công ty không vi phạm thời hạn báo trước. Theo khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động công ty đơn phương trái pháp luật thì bồi thường ít nhất 2 tháng tiền lương, án sơ thẩm xử buộc công ty bồi thường 2 tháng lương cho bà H là đúng nhưng bà H đòi 12 tháng không có cơ sở để chấp nhận. Do án sơ thẩm tính toán sai dư hơn 1 tháng lương nên phải tính lại và điều chỉnh phần án phí sơ thẩm cho phù hợp. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Đặng Thị Thanh H nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, thực hiện theo đúng quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bà H yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Hợp đồng lao động của bà H và Công ty TNHH M (gọi tắt là Công ty) đang thực hiện là loại hợp đồng không xác định thời hạn, Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với bà H cho là do thay đổi cơ cấu nên cắt giảm bộ phận kế toán trong đó có bà H và bà Thúy.

Xét về trình tự thủ tục khi cho nhiều người lao động thôi việc (từ 2 người lao động trở lên) công ty phải bàn bạc trao đổi với Ban chấp hành công đoàn công ty, phương án sử dụng lại lao động đưa người lao động đi đào tạo lại hoặc

bổ trí làm công việc khác thích hợp, công ty phải thông báo cho người lao động để có thời gian chuẩn bị, công ty phải gửi thông báo cho Sở Lao động Thương binh xã hội thành phố Hồ Chí Minh trước khi chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động là 30 ngày, công ty không thực hiện theo đúng quy định tại khoản 1 và 3 Điều 44 Bộ luật Lao động công ty cho bà H thôi việc nhưng không thực hiện đầy đủ các bước về trình tự thủ tục như trên trước khi chấm dứt hợp đồng lao động với bà H, cho nên Công ty đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với bà H.

[3] Theo quy định tại Điều 42 Bộ luật lao động Công ty phải trả lương những ngày bà H không được làm việc từ tháng 6/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (05/4/2019) là 10 tháng: $5.200.000đ \times 10 = 52.000.000đ$ và bồi thường 2 tháng lương cho bà H: $2 \text{ tháng} \times 5.200.000đ = 10.400.000đ$ Bà H yêu cầu bồi thường 12 tháng lương vì bà cho đã làm việc được 12 năm tại công ty. Xét thấy khoản 1 Điều 42 quy định bồi thường ít nhất là 2 tháng tiền lương, công ty không đồng ý bồi thường nhiều hơn vì hoàn cảnh công ty đang khó khăn ngưng hoạt động từ năm 2010 đến nay, nên việc quyết định bồi thường 2 tháng lương là phù hợp đúng quy định của luật nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà H.

[4] Trường hợp người lao động không tiếp tục làm việc thì phải trả trợ cấp thôi việc theo quy định tại Điều 48 Bộ luật lao động. Bà H xác định công ty có đóng bảo hiểm thất nghiệp cho bà từ năm 2009 cho nên thời gian từ 2006 đến 2008 bà H được nhận trợ cấp thôi việc 3 năm là 1,5 tháng lương: $5.200.000đ \times 1,5 = 7.800.000đ$

Công ty đã thanh toán cho bà H tiền trợ cấp mất việc làm là 15.600.000đ nên bà H phải hoàn trả lại số tiền này cho công ty

Án sơ thẩm tính sai phần này, công ty phải bồi thường 2 tháng lương và trả trợ cấp thôi việc 1,5 tháng lương, cộng chung là 3,5 tháng lương nhưng án sơ thẩm tính thành 4,5 tháng lương, dư ra 1 tháng nên phải tính lại cho đúng.

[5] Về chi trả Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế : Theo quy định trường hợp chưa đóng thì công ty và bà H có trách nhiệm truy đóng cho cơ quan bảo hiểm. Nhưng theo bà H trình bày sau khi nghỉ việc tại công ty bà làm việc bên ngoài và có tham gia đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện từ tháng 7/2018 cho nên về khoản bảo hiểm xã hội án sơ thẩm tuyên công ty trả cho bà H bằng tiền mặt là đúng, số tiền bà H yêu cầu là 11.180.000đ thời gian từ 1/6/2018 đến 5/4/2019 (tính tròn là 10 tháng, tỉ lệ 21,5%, theo mức tiền lương 5.200.000đ/tháng).

[6] Về yêu cầu đòi bồi thường do vi phạm thời gian báo trước, bà H cho công ty vi phạm 29 ngày không báo trước cho bà. Như nhận định của án sơ thẩm thì từ ngày 14/3/2018 công ty đã thông báo sẽ chấm dứt hợp đồng lao động với bà H, ngày 15/3/2018 bà H đã nhận được thông báo này, đến ngày 01/6/2018 công ty mới ra Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 43/QĐ-SIDC.2018. Xét thấy thời gian từ ngày ra thông báo đến ngày ra quyết định là hơn 45 ngày và tiền lương bà H đã nhận đủ lương đến cuối tháng 5/2018 cho nên công ty

không vi phạm thời gian báo trước như yêu cầu của nguyên đơn đòi bồi thường 29 ngày là 6.844.000đ.

[7] Yêu cầu Công ty xác định bà không còn trách nhiệm đối với các giao dịch bằng tài khoản ngân hàng của Công ty từ thời điểm bà bị ông P tự ý cắt tên giao dịch khỏi ngân hàng. Đồng thời xác định bà cũng không chịu trách nhiệm về sổ sách, giấy tờ, các vấn đề về kế toán, vấn đề bàn giao đối với Công ty kể từ 11 giờ 30 phút ngày 21/5/2018 vì bị buộc rời khỏi phòng bất ngờ và không được tiếp cận sổ sách kế toán. Bà chỉ chịu trách nhiệm về công việc kế toán đối với thời gian bà đã công tác trước đó tức kể từ 11 giờ 30 phút ngày 21/5/2018 trở về trước.

Xét thấy tại phiên tòa các bên đương sự tự hòa giải được, bị đơn đồng ý yêu cầu này của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về yêu cầu này.

[8] Về yêu cầu : Buộc Công ty thu hồi quyết định số 37/SIDC.2018 về việc tạm đình chỉ công việc đã gửi đến gia đình bà và Tổng Công ty Công nghiệp Tàu Thủy, hủy quyết định đang được lưu giữ vì lý do Công ty đưa ra là không đúng. Ngoài ra Công ty phải công khai xin lỗi vì đã đưa ra quyết định với nội dung không xác thực trên làm ảnh hưởng đến uy tín nghề nghiệp của bà do đặc điểm công việc kế toán đòi hỏi rất cao về uy tín, trách nhiệm đặc biệt là trong môi trường nhà nước. Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn rút lại yêu cầu Bị đơn phải công khai xin lỗi.

Tại phiên tòa nguyên đơn rút lại yêu cầu Bị đơn phải công khai xin lỗi nên căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu đã rút này của nguyên đơn là đúng.

[9] Về án phí: Vì sửa án sơ thẩm nên phải sửa về án phí.

Công ty thanh toán cho bà H gồm: [52.000.000đ + 10.400.000đ + 7.800.000đ + 11.180.000đ] – 7.800.000đ = 65.780.000đ nên án phí lao động sơ thẩm công ty phải chịu nộp là 1.973.400đ

Án phí lao động phúc thẩm, bà H được miễn nộp.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ :

- Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 36; 38; 42; 44; 48 của Bộ luật lao động năm 2012;
- Điều 13; 14; 15 của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính Phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động;
- Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015
- Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Đặng Thị Thanh H.

Sửa một phần bản án sơ thẩm

1. Đình chỉ giải quyết các yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Thanh H về việc:

- Yêu cầu Công ty TNHH M nhận nguyên đơn trở lại làm việc và phần yêu cầu bồi thường đã rút từ 124.800.000 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng) xuống còn 62.400.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Yêu cầu số tiền bồi thường vì Công ty TNHH M không nhận bà trở lại làm việc: $5.200.000 \times 12 \times 2 = 124.800.000$ đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng).

- Yêu cầu Công ty TNHH M phải công khai xin lỗi.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc: Công ty TNHH M có văn bản xác định bà H không còn trách nhiệm đối với các giao dịch bằng tài khoản ngân hàng của Công ty từ thời điểm bị tự ý cắt tên giao dịch khỏi ngân hàng. Đồng thời xác định không chịu trách nhiệm về sổ sách, giấy tờ, các vấn đề về kế toán, vấn đề bàn giao đối với Công ty kể từ 11 giờ 30 phút ngày 21/5/2018 vì bị buộc rời khỏi phòng bất ngờ và không được tiếp cận sổ sách kế toán. Nguyên đơn chỉ chịu trách nhiệm về công việc kế toán đối với thời gian đã công tác trước đó tức kể từ 11 giờ 30 phút ngày 21/5/2018 trở về trước.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Thanh H về việc:

- Yêu cầu Công ty TNHH M phải bồi thường vì vi phạm thời hạn báo trước 29 ngày: $236.000\text{đ/ngày} \times 29 \text{ ngày} = 6.844.000$ đồng (Sáu triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

- Yêu cầu của bà H đòi bồi thường 12 tháng lương vì công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật 62.400.000.000đ (Sáu mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Thanh H về việc: Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 43/QĐ-SIDC.2018 ngày 01/6/2018 của Công ty TNHH M đối với bà Đặng Thị Thanh H là trái pháp luật.

- Buộc Công ty TNHH M thanh toán tiền lương những ngày bà H không làm việc từ ngày 01/6/2018 đến ngày tòa án xét xử sơ thẩm là 10 tháng là 52.000.000 đồng (Năm mươi hai triệu đồng) và bồi thường 2 tháng lương là 10.400.000 đồng (Mười triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Buộc Công ty TNHH M thanh toán cho bà H các khoản BHXH, BHYT và bảo hiểm khác theo quy định pháp luật tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 11.180.000 đồng (Mười một triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

- Buộc Công ty TNHH M thanh toán cho bà H số tiền trợ cấp thôi việc là 7.800.000 đồng (Bảy triệu tám trăm nghìn đồng).

Bà H phải trả lại tiền trợ cấp mất việc làm cho công ty là 15.600.000 đồng (Mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Cán trừ Công ty TNHH M còn thanh toán và bồi thường cho bà Đặng Thị Thanh Hương là : $[52.000.000đ + 10.400.000đ + 7.800.000đ + 11.180.000đ] - 15.600.000đ = 65.780.000đ$ (Sáu mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Đặng Thị Thanh H có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty TNHH M chưa thanh toán các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng Công ty TNHH M còn phải trả cho bà Đặng Thị Thanh H tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Buộc Công ty TNHH M thu hồi quyết định số 37/SIDC.2018 ngày 21/05/2018 đối với bà Hương.

5. Án phí lao động sơ thẩm 1.973.400 đồng (Một triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm đồng) Công ty TNHH M phải chịu .

Án phí lao động phúc thẩm bà Đặng Thị Thanh H được miễn nộp.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao (tại Tp.HCM);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao (tại Tp.HCM);
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Tòa án nhân dân Quận 4;
- Thi hành án dân sự Quận 4;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

PHAN THỊ LIÊN